

BỔ SUNG CÁC LOÀI THUỘC GIỐNG XÉN TÓC THƯỜNG *Demonax* Thomson, 1860 (Coleoptera: Cerambycidae: Cerambycinae) Ở VIỆT NAM

Cao Thị Quỳnh Nga*, Khuất Đăng Long, Tạ Huy Thịnh

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm KH & VN Việt Nam, *cqnga119@yahoo.com

TÓM TẮT: Bài báo thống kê danh sách 28 loài thuộc giống *Demonax* Thomson, 1860, trong số đó có 13 loài là ghi nhận mới cho khu hệ của Việt Nam, đó là: *Demonax alcanor* Gressitt & Rondon, 1970; *D. gracilestriatus* Gressitt & Rondon, 1970; *D. izumii* Mitono, 1942; *D. kheoi* Gressitt & Rondon, 1970; *D. literatus* Gahan, 1894; *D. nansenensis* Pic, 1903; *D. mali* Gressitt, 1951; *D. mulio* Pascoe, 1869; *D. nebulosus* Gressitt & Rondon, 1970; *D. ordinatus* Pascoe, 1869; *D. pseudonotabilis* Gressitt & Rondon, 1970; *D. occultus* Gressitt & Rondon, 1970 và *D. pseudotristiculus* Gressitt & Rondon, 1970. Về phân bố, 28 loài nói trên chỉ có phân bố ở vùng Đông Phương, còn 3 loài chỉ ghi nhận được ở Việt Nam. Trong tổng số 28 loài thuộc giống *Demonax* đã biết ở Việt Nam, 3 loài đã được mô tả từ mẫu vật chuẩn thu được ở Việt Nam, 7 loài phân bố ở toàn lãnh thổ, 16 loài chỉ bắt gặp ở miền Bắc và 5 loài chỉ bắt gặp ở miền Trung và miền Nam. Bài báo này còn đưa ra khóa định loại đến các giống của tộc Clytini và khóa định loại đến các loài thuộc giống *Demonax* ở Việt Nam.

Từ khóa: Coleoptera, Cerambycidae, Cerambycinae, danh sách loài, ghi nhận mới, Việt Nam.

MỞ ĐẦU

Clytini Mulsant, 1839 là tộc có số lượng loài lớn nhất thuộc phân họ Cerambycinae, họ Cerambycidae. Các loài thuộc tộc Clytini phân bố ở tất cả các vùng trên thế giới, trừ ở châu Nam Cực. Trên thế giới, tộc này bao gồm 70 giống và ghi nhận khoảng trên 1.200 loài [10]. Những giống có số lượng loài chiếm ưu thế như *Demonax* Thomson, 1860 khoảng 350 loài; giống *Chlorophorus* Chevrolat, 1863 khoảng 240 loài; giống *Xylotrechus* Chevrolat, 1860 khoảng 190 loài và giống *Rhaphuma* Pascoe, 1858 khoảng 170 loài [15]. Ở Việt Nam, theo các tài liệu tập hợp từ trước đến nay, tộc Clytini đã ghi nhận được 74 loài thuộc 9 giống [10].

Ở Việt Nam, giống *Demonax* đã được một số tác giả nghiên cứu, Vitalis de Salvara (1919) [13] đã ghi nhận 3 loài; Fairmaire (1895) [1] ghi nhận 2 loài thu được ở miền Bắc Việt Nam; Cao Thị Quỳnh Nga và nnk. (2014) [10] đã thống kê được 12 loài. Như vậy, đến nay giống *Demonax* đã có 15 loài được ghi nhận ở Việt Nam.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Toàn bộ mẫu vật nghiên cứu được thu thập từ tất cả các tỉnh trong cả nước qua nhiều năm và hiện đang được lưu giữ tại phòng Hệ thống

học côn trùng, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hệ thống phân loại được sử dụng dựa theo Gressitt & Rondon (1970) [2].

Danh sách các loài xén tóc thường ở Việt Nam được xây dựng bao gồm: tên sử dụng, tên gốc, tên đồng vật, mẫu vật nghiên cứu, phân bố trong nước và trên thế giới. Những loài được mô tả từ khu hệ Việt Nam nhưng chưa thu được mẫu được ghi nhận theo tài liệu mô tả gốc của các tác giả.

Định loại các giống và loài dựa theo tài liệu của Gressitt & Rondon (1970) [2]. Dấu (*) chỉ loài được ghi nhận mới cho khu hệ của Việt Nam. Sử dụng khóa định loại lưỡng phân cho các giống thuộc tộc và các loài thuộc giống. Trong các khóa định loại, chúng tôi sử dụng ảnh từ những mẫu vật hiện có bằng máy ảnh gắn theo kính lúp soi nổi Laica® MZ75. Trong khóa định loại cũng chỉ rõ nguồn hình được trích dẫn từ các tài liệu đã công bố của các tác giả khác để có thể tham khảo và so sánh. Phân bố tên các tỉnh ở Việt Nam và các nước trên thế giới được xếp thứ tự theo bảng chữ cái.

Các chữ viết tắt được sử dụng trong bài báo: VQG = Vườn quốc gia; BTTN = Bảo tồn thiên nhiên; ĐDSH = đa dạng sinh học; NTM = Người thu mẫu.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**Phân loại học**

Họ Cerambycidae Latreille, 1802

Phân họ Cerambycinae Latreille, 1802

Tộc Clytini Mulsant, 1839

Đặc điểm chẩn loại

Đầu ngắn, má nhìn chung khá dài. Mắt mịn và có khía. Tấm lưng ngực trước có nhiều hình dạng từ hình cầu đến hình trụ, hiếm khi lồi lên ở giữa. Mảnh mai rất nhỏ. Đốt chậu chân trước hình cầu, hóc đốt chậu tròn ở phía ngoài và mở

ở phía sau. Hóc đốt chậu chân giữa mở đến mảnh ức sau. Chân sau dài, đốt thứ nhất của đốt bàn dài hơn nhiều so với đốt thứ hai và thứ ba gộp lại, vuốt của đốt bàn phân nhánh rộng. Mảnh ức sau của đốt ngực sau tạo góc với đốt bụng thứ nhất, bao quanh đốt chậu chân sau ở phía ngoài. Mảnh ức trên của đốt ngực sau khá rộng. Cánh cứng khép kín hoàn toàn, không mở.

Đến nay, đã ghi nhận 10 giống thuộc tộc này ở Việt Nam. Dựa theo Gressitt & Rondon (1970) [2], chúng tôi xây dựng khóa định loại cho các giống ở Việt Nam.

Khóa định loại các giống thuộc tộc Clytini Mulsant

1. Khoảng cách giữa hai gốc anten rộng, đốt gốc anten bình thường (hình 1) 2
 - Khoảng cách giữa hai gốc anten hẹp, đốt gốc anten nhô lên rõ ràng (hình 2) 5
2. Trán không có gờ hình mào (hình 3) 3
 - Trán có gờ hình mào, thẳng đứng hoặc phân nhánh (hình 4), các cạnh bên ít nhiều có gờ *Xylotrechus* Chevrolat
3. Đốt bàn thứ nhất của chân sau có chiều dài ngắn hơn hai lần so với chiều dài của đốt bàn thứ 2 và thứ 3 gộp lại 4
 - Đốt bàn thứ nhất của chân sau có chiều dài dài hơn ít nhất là hai lần so với chiều dài của đốt bàn thứ 2 và thứ 3 gộp lại. Đốt đùi chân sau thường vượt quá ngọn cánh cứng *Perissus* Chevrolat
4. Mảnh mai gần như hình chữ nhật, tròn ở phía sau (hình 59: Holzschuh, 1998) [5]. Đốt đùi chân sau của con đực vượt quá ngọn cánh cứng *Clytus* Laicharting
 - Mảnh mai hình tam giác (hình 5 và 8: Niisato et al, 2009) [9]. Đốt đùi chân sau của con đực không vượt quá ngọn cánh cứng *Cyrtoclytus* Ganglbauer
5. Các đốt ngọn của anten không có gai (hình 5) 6
 - Anten có gai ở các đốt 3 và đốt 4, hoặc từ đốt 3 đến đốt 5 (hình 6) 10
6. Khoảng cách giữa hai đốt gốc anten rất gần nhau. Đốt bàn thứ nhất của chân sau có chiều dài ngắn hơn hai lần so với chiều dài của đốt bàn thứ 2 và thứ 3 gộp lại 7
 - Khoảng cách giữa hai đốt gốc anten bình thường, không gần nhau lắm. Đốt bàn thứ nhất của chân sau có chiều dài dài hơn hai lần so với chiều dài của đốt bàn thứ 2 và thứ 3 gộp lại 9
7. Đốt anten thứ 3 không dài hơn đốt thứ 1. Cơ thể bình thường *Chlorophorus* Chevrolat
 - Đốt anten thứ 3 dài hơn nhiều so với đốt thứ 1. Cơ thể rất mảnh 8
8. Cơ thể thon dài, màu đen. Tấm lưng ngực trước hình trụ (hình 7). Đốt ống chân giữa và chân sau không có lông *Sclethrus* Newman
 - Cơ thể đen bóng, hơi lồi. Tấm lưng ngực trước hình cầu hơi lồi, hai cạnh bên cong (hình 51: Holzschuh, 1991) [3]. Đốt ống chân giữa và chân sau có lông dài *Amamiclytus* Ohbayashi
9. Anten của con đực hiếm khi dài hơn chiều dài thân. Mảnh bên trước của đốt ngực sau thẳng ở cạnh bên trong *Rhaphuma* Pascoe
 - Anten của con đực dài hơn 1/3 chiều dài thân. Mảnh bên trước của đốt ngực sau cong ở cạnh bên trong *Clytocera* Gahan

10. Cơ thể mập, đôi khi hơi dẹt. Các đốt anten tạo góc ở phía ngoài; từ đốt 3 đến đốt 6 có gai ở phía trong (hình 8)..... *Clytosaurus* Thomson
 - Cơ thể thanh mảnh. Các đốt anten không tạo góc ở phía ngoài; từ đốt 3 đến đốt 5 có gai ở phía trong (hình 9) *Demonax* Thomson, 1860

Giống *Demonax* Thomson, 1860

Demonax Thomson, 1860. *Classif. Ceramb.*, 226 (Loài chuẩn: *Demonax nigrofasciatus* Thomson, 1860) Gahan, 1906. *Fauna India*, Col. 1: 280;

Grammographus Chevrolat, 1863. *Mem. Soc. R. Sci. Liege* 18: 285 (Loài chuẩn: *Grammographus lineatus* Chevrolat, 1863);

Elezira Pascoe, 1869. *Trans. Ent. Soc. Lond. Ser 3*, 3: 637 (Loài chuẩn: *Clytus balyi* Pascoe, 1859).

Đặc điểm chẩn loại

Các loài thuộc giống này có chiều dài thân

nhỏ, dao động từ 5-15 mm. Đầu hơi nhọn. Khoảng cách giữa 2 đốt gốc anten khá gần nhau. Anten có chiều dài gần bằng chiều dài thân ở con đực; đốt anten thứ 3 và thứ 4 hoặc từ đốt thứ 3 đến thứ 5 có gai ở ngọn. Tấm lưng ngực trước có chiều dài lớn hơn chiều rộng, hơi phồng lên ở giữa. Cánh cứng thuần dài, phần ngọn cánh cụt. Chân tương đối dài; đốt đùi chân sau vượt quá ngọn cánh cứng; đốt bàn chân sau thứ nhất dài hơn chiều dài các đốt bàn còn lại.

Trong số 28 loài thuộc giống *Demonax* được thống kê ở Việt Nam, có 13 loài được ghi nhận bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam. Dưới đây là khóa định loại cho các loài ở Việt Nam.

Khóa định loại các loài thuộc giống *Demonax* Thomson ở Việt Nam

1. Mặt lưng cơ thể phủ lớp lông màu vàng hoặc xanh hơi vàng; trên cánh có các sọc hẹp màu đen 2
 - Mặt lưng cơ thể phủ lớp lông màu xám hoặc đen; trên cánh có các sọc hẹp màu trắng hoặc đen 7
2. Gai anten ngắn hơn một nửa so với chiều rộng của đốt tương ứng 3
 - Gai anten dài hơn một nửa so với chiều rộng của đốt tương ứng 5
3. Tấm lưng ngực trước hơi dẹt ở giữa (hình 10). Anten từ đốt thứ 3 đến thứ 5 có gai ngắn ở phía ngọn 4
 - Tấm lưng ngực trước hơi lồi lên ở giữa (hình 39h: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Anten từ đốt thứ 3 đến thứ 4 không có gai. Cơ thể có màu vàng, nhìn từ trên xuống có các sọc ngang màu nâu đen: sọc thứ nhất không đầy đủ, không chạm đến đường khớp hai cánh (suture); sọc thứ 2 mở rộng hướng dọc đường khớp hai cánh; sọc thứ 3 nằm ngang trước ngọn cánh. Tấm lưng ngực trước có nhiều đốm mờ. Thân dài từ 11-15mm *D. sandaracinos* Gressitt & Rondon
4. Các sọc và đốm đen trên cánh cứng rất hẹp. Từ gốc cánh đến quá nửa cánh có một sọc màu đen, sau đó uốn ngược lên dọc theo đường khớp hai cánh một đoạn ngắn và quay ngược về phía sau tạo thành một góc rất nhọn (hình 11). Tấm lưng ngực trước có một cặp sọc màu đen hơi ngoằn ngoèo. Thân dài 13-15 mm *D. gracilestriatus* Gressitt & Rondon
 - Các sọc và đốm đen trên cánh cứng không liền nét. Sọc thứ 1 hơi ngắn, nằm ở gốc cánh gần mảnh mai (scutellum); sọc thứ 3 nằm ở giữa cánh, cong, hẹp, kéo về phía trước dọc theo đường khớp hai cánh; sọc thứ 4 ở sau phần giữa cánh là hai đốm đen hơi tròn, không chạm mép cánh hoặc đường khớp hai cánh (hình 12). Tấm lưng ngực trước trên mỗi cạnh bên có một sọc ngắn mờ. Thân dài 12,5mm *D. pseudonotabilis* Gressitt & Rondon
5. Cánh cứng ở phần gốc cánh có một sọc đen liền nét hình chữ V dài và nhọn (hình 13) 6
 - Cánh cứng ở phần gốc cánh có một sọc đen đứt quãng hình chữ V ngắn (hình 14).

- Mặt lưng cơ thể phủ lớp lông tơ màu vàng hơi trắng. Tấm lưng ngực trước có 3 chấm tròn màu đen, chấm tròn ở giữa khá dài và ranh giới không rõ ràng. Thân dài 13 mm..... *D. nebolus* Gressitt & Rondon
6. Tấm lưng ngực trước có 3 đốm tròn màu đen hẹp và hơi nhô lên: 2 đốm ở hai bên và ở nửa phía trên; đốm còn lại ở giữa và ở nửa phía dưới. Sau gốc cánh cứng có sọc hình chữ V nhưng không kéo dài đến giữa cánh; sọc ở giữa cánh hẹp và ngang, bắt đầu từ mép cánh đến gần đường khớp cánh mở rộng hướng lên trên tạo thành góc nhọn, trước mỗi ngọn cánh là một đốm hình tròn (hình 13). Thân dài 12-14 mm..... *D. literatus literatus* Gahan
- Tấm lưng ngực trước có 3 sọc màu đen, hẹp, dài và hơi song song nhau. Sau gốc cánh cứng có sọc hình chữ V kéo dài đến giữa cánh; sọc ở giữa cánh hẹp và ngang, bắt đầu từ mép cánh đến gần đường khớp cánh thì mở rộng hướng lên trên tạo thành góc nhọn nhưng trước mỗi ngọn cánh có một sọc xiên chéo kết hợp với nhau tạo thành hình chữ M (hình 15). Thân dài 16 mm *D. literatus nansenensis* Pic
7. Đầu, tấm lưng ngực trước và 2/3 cánh cứng màu nâu gạch; trên có các đốm hoặc sọc màu đen hoặc trắng. Tấm lưng ngực trước có 1 sọc đen nằm ở chính giữa của nửa sau; có 2 đốm tròn màu đen nằm ở hai cạnh bên của nửa trước. Mảnh mai hình bán cầu, phủ lông tơ màu trắng. Cánh cứng có 3 sọc màu trắng: sọc ở sau gốc cánh và sọc ở giữa cánh hơi xiên, tạo thành góc tù ở đường khớp hai cánh; sọc cuối cùng nằm ngang, trước ngọn cánh (hình 16). Thân dài 10-12mm..... *D. leucoscutellatus* (Hope)
- Không có tập hợp tất cả các đặc điểm như ở trên..... 8
8. Các gai anten ngắn hơn một nửa so với chiều rộng của đốt tương ứng, trừ gai đốt thứ 4 dài bằng một nửa..... 9
- Các gai anten dài hơn một nửa so với chiều rộng của đốt tương ứng, ít nhất là gai của đốt thứ 4 16
9. Gai đốt anten thứ 4 dài bằng hoặc gần bằng một nửa so với chiều rộng của đốt này..... 10
- Gai đốt anten thứ 4 rất ngắn, chỉ hơi nhú lên một chút..... 11
10. Cơ thể màu đen. Tấm lưng ngực trước có đốm trắng ở phía sau hai bên gốc. Cánh cứng có các sọc hẹp, màu trắng: sọc ở sau gốc cánh cứng hơi xiên; sọc ở giữa cánh xiên, hẹp và hướng lên trên dọc đường khớp hai cánh; sọc cuối cùng nằm ngang trước ngọn cánh (hình 17). Thân dài 11-12mm..... *D. semiluctuosus* (White)
- Cơ thể màu xám. Tấm lưng ngực trước có một cặp đốm nhỏ màu đen, tách biệt. Cánh cứng có 3 sọc rộng, màu đen: sọc thứ nhất ở phía sau gốc cánh, hơi nhọn; sọc thứ 2 ở giữa cánh, bắt đầu từ mép ngoài cánh, hướng dọc lên trên và tiếp giáp ở đường khớp hai cánh; sọc thứ 3 trước ngọn cánh (hình 390: Hua Li-zhong, 2009) [7]. Thân dài 14,5mm..... *D. hainanensis* Gressitt
11. Cánh cứng màu đen, trên có các sọc hẹp màu trắng hoặc trắng xám..... 12
- Cánh cứng màu xám, trên có các sọc màu đen hẹp hoặc rộng..... 15
12. Cánh cứng không có sọc màu xám nhạt ở gốc cánh 13
- Cánh cứng có một sọc màu xám nhạt ở gốc cánh, tạo thành góc nhọn ở phía sau gốc cánh hoặc gần đường khớp hai cánh. Thân dài 8-13 mm 14
13. Tấm lưng ngực trước có một sọc mờ màu trắng nằm ở gần gốc. Cánh cứng có một sọc hẹp gần mảnh mai, hướng dọc theo đường khớp hai cánh, cong dần ra mép ngoài và kết thúc ở đoạn 1/3 cánh tính từ gốc; sọc ở sau đoạn giữa cánh hẹp và nằm ngang; ngọn cánh phủ lông màu trắng xám (hình 18). Thân dài 5-6 mm..... *D. pseudotristiculus* Gressitt & Rondon
- Tấm lưng ngực trước màu xám nhạt, không có sọc như trên. Cánh cứng có một sọc hẹp gần mảnh mai, hướng dọc theo đường khớp hai cánh, cong dần ra mép ngoài và kết thúc ở đoạn

- 1/3 cánh tính từ gốc; sọc ở giữa cánh hơi ngang (hình 19). Tất cả các sọc đều rất hẹp. Thân dài 5-6 mm *D. mali* Gressitt
14. Đường sọc ở sau gốc cánh cứng cùng với sọc xiên ở giữa tạo thành góc tù ở đường khớp hai cánh; sọc ở sau phần giữa cánh tạo góc hơi nhọn ở đường khớp hai cánh. Tấm lưng ngực trước không có vết hay đốm (hình 40a: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 8 mm *D. punctifemoralis* Gressitt & Rondon
- Đường sọc ở sau gốc cánh cứng cùng với sọc ngang ở giữa tạo góc nhọn ở đường khớp hai cánh; sọc ở sau phần giữa hẹp, kéo dài hướng lên trên dọc đường khớp hai cánh. Tấm lưng ngực trước có một cặp chấm nhỏ màu đen, tách biệt nhau (hình 39l: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 9-15 mm *D. elongatus* Gressitt & Rondon
15. Tấm lưng ngực trước không có đốm hay vết. Sọc ở sau gốc cánh cứng rộng hơn dài một chút, không kéo dài đến đường khớp hai cánh; sọc tiếp theo ở giữa cánh cứng hơi xiên và tạo góc ở đường khớp hai cánh; sọc cuối cùng ở trước ngọn cánh, hơi hẹp ở đường khớp hai cánh (hình 40d: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 7-8 mm *D. ventralis* Gahan
- Tấm lưng ngực trước có một cặp chấm nhỏ màu đen, tách biệt nhau. Sọc màu đen sau gốc cánh cứng có dạng hình chữ V, kéo dài đến đường khớp hai cánh và sau mảnh mai; sọc tiếp theo rộng, xiên, mở rộng ra mép ngoài cánh, thu hẹp lại khi kéo dài lên trên dọc đường khớp hai cánh; sọc cuối cùng trước ngọn cánh một khoảng, hẹp lại ở đường khớp hai cánh (hình 20). Thân dài 12-19 mm *D. ordinatus* Pascoe
16. Đốt anten 9 và 10 phần lớn có màu nâu gạch. Cánh cứng phủ lông tơ màu xám, có 3 sọc màu đen: sọc thứ nhất ở gần gốc, sọc thứ 2 ở gần giữa cánh và sọc cuối cùng ở sau phần giữa cánh. Tấm lưng ngực trước dài, phần gốc màu trắng. Thân dài 10 mm *D. testaceoannulatus* Pic
- Không có tập hợp các đặc điểm như trên 17
17. Gai anten không dài hơn nhiều so với chiều rộng của đốt tương ứng 18
- Gai anten dài hơn nhiều so với chiều rộng của đốt tương ứng 25
18. Mặt lưng cơ thể màu đen. Cánh cứng có các sọc hẹp màu trắng hoặc xám 19
- Mặt lưng cơ thể màu xám. Cánh cứng có các sọc màu đen 20
19. Tấm lưng ngực trước có bề mặt dạng hạt thô. Mảnh mai và một phần gốc của tấm lưng ngực trước phủ lông dày màu trắng. Sọc ở sau gốc cánh cứng hơi tạo góc và các đốm ở ngọn cánh khá rộng, màu hơi xám (hình 40h: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 14-18 mm *D. albidofasciatus* Gressitt & Rondon
- Tấm lưng ngực trước có bề mặt dạng hạt mịn. Mảnh mai và một phần gốc của tấm lưng ngực trước không phủ lông dày màu trắng. Sọc ở sau gốc cánh cứng cong, hơi xiên (hình 21) và các đốm ở ngọn cánh hẹp, màu trắng xám. Thân dài 8-11 mm *D. musivus* Pascoe
20. Cánh cứng ở phần gốc có một sọc rất dễ nhận biết, tạo một góc nhọn ở sau mảnh mai, màu trắng hoặc trắng xám hoặc vàng nhạt, đoạn cong hướng ra mép ngoài 21
- Cánh cứng ở phần gốc không có đặc điểm như trên 24
21. Sọc ở phía sau mảnh mai của cánh cứng bắt đầu từ đường khớp hai cánh và cong dần ra phía mép ngoài 22
- Sọc ở phía sau mảnh mai của cánh cứng bắt đầu từ đường khớp hai cánh và tạo góc tại điểm xoay ngược ra mép ngoài 23
22. Gai anten mập, đoạn ngọn của đốt 3 và đốt 4 mở rộng ở cuối ngọn. Cánh cứng có một đường sọc màu trắng xám trên nền màu đen. Tấm lưng ngực trước không có đốm tròn nhưng có 3 đường gờ nhỏ lên theo chiều dọc (hình 40c: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 14,5 mm *D. albosignatus* Gahan

- Gai anten mảnh, đoạn ngọn các đốt 3 và đốt 4 không mở rộng. Cánh cứng có các đường sọc màu xám, màu trắng, màu đen và màu khói. Đường sọc cong màu trắng ở phía sau mảnh mai rất mảnh (hình 22). Tấm lưng ngực trước có đốm màu đen ở mỗi cạnh bên. Thân dài 12-16 mm.....*D. diversefasciatus* Pic
- 23. Anten mập; gai anten từ đốt 3 đến đốt 5 to. Cơ thể phủ nhiều lông tơ màu vàng nhạt hoặc màu xám nhạt. Tấm lưng ngực trước có 3 đốm tròn màu đen. Cánh cứng có 3 sọc màu đen: 1 sọc hình chữ V và hai sọc ngang (hình 14). Thân dài 13-14 mm...*D. nebulosus* Gressitt & Rondon
- Anten mảnh và gai anten từ đốt 3 đến đốt 5 nhỏ. Tấm lưng ngực trước không có đốm. Cánh cứng có 3 sọc đen: Sọc thứ nhất bắt đầu từ phía sau mảnh mai, kéo dài một đoạn rồi xoay ngược lên uốn ra phía ngoài mép cánh; sọc thứ 2 và 3 nằm ngang, rộng (hình 23). Thân dài 14,5 mm*D. maximus* Pic
- 24. Sọc ở trước ngọn cánh màu đen và có chiều ngang rộng (xem hình 41b: Gressitt & Rondon, 1970 [2]). Thân dài 12-14mm.....*D. alcanor* Gressitt & Rondon
- Sọc ở trước ngọn cánh màu xám nhạt và có chiều ngang hẹp (hình 40k: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 11mm.....*D. occultus* Gressitt & Rondon
- 25. Gai anten dài ngắn hơn một nửa chiều dài của đốt tương ứng 26
- Gai anten dài hơn một nửa chiều dài của đốt tương ứng..... 29
- 26. Cánh cứng có sọc gốc cánh hoặc sọc ngắn ở vai cánh 27
- Cánh cứng không có sọc ở gốc cánh hoặc sọc ngắn ở vai cánh 28
- 27. Tấm lưng ngực trước dạng lưới, có hai đốm đen ở hai bên. Cánh cứng màu ghi xám, trên cánh có 3 sọc màu đen: sọc thứ 1 bắt đầu từ sau mảnh mai dọc theo đường khớp hai cánh đến 1/3 cánh đột ngột uốn ngược lên trên; sọc thứ 2 hơi xiên và rộng; sọc thứ 3 ngang và rộng (hình 24). Thân dài 8-11mm.....*D. alboantennatus* Gressitt & Rondon
- Tấm lưng ngực trước dạng hạt, không có đốm. Cánh cứng không có sọc ở vai cánh; sọc ở sau mảnh mai cong dần ra phía mép cánh (hình 25). Thân dài 6-10 mm.....
.....*D. kheoi* Gressitt & Rondon
- 28. Tấm lưng ngực trước có chiều dài bằng chiều rộng, dạng hạt và có đốm đen mờ ở giữa. Cánh cứng có sọc ở phía dưới mảnh mai, xiên chéo ngược ra mép ngoài cánh (hình 46: Holzschuh, 1992) [4]. Cơ thể dài 12,7 mm *D. perspicuus* Holzschuh
- Tấm lưng ngực trước có chiều dài lớn hơn chiều rộng, dạng hình mắt lưới. Cánh cứng không có sọc ở phía dưới mảnh mai (hình 45: Holzschuh, 1992) [4]. Thân dài 9,3-12,3 mm *D. offensus* Holzschuh
- 29. Thân nhỏ hơn 7 mm 30
- Thân dài hơn 7 mm..... 31
- 30. Tấm lưng ngực trước rất phẳng, hơi vuông. Cánh cứng có 3 sọc rộng, kích cỡ không đều nhau, màu trắng: sọc thứ nhất bắt đầu từ góc cánh kéo liền mạch thành một vòng khép kín; sọc thứ 2 kéo từ mép ngoài cánh đến đường khớp hai cánh tạo thành góc tù và sọc cuối cùng nằm ở ngọn cánh, xiên tạo thành góc nhọn (hình 41e: Gressitt & Rondon, 1970) [2]. Thân dài 6-7 mm*D. pseudopsilomerus* Gressitt & Rondon
- Tấm lưng ngực trước dạng hình cầu, có viền trắng ở phần gốc giáp với mảnh mai. Cánh cứng có 3 sọc hẹp tương đối đều nhau, màu trắng: sọc thứ nhất kéo từ mép ngoài vào trong nhưng không tiếp giáp ở đường khớp hai cánh; sọc thứ hai kéo từ mép ngoài vào trong và tiếp giáp nhau ở đường khớp hai cánh tạo thành góc tù; sọc cuối cùng nằm ở ngọn cánh, tạo thành góc tù (hình 391: Hua Li-zhong, 2009) [7]. Thân dài 5-7 mm *D. izumi* (Mitono)

31. Cánh cứng có sọc ở gốc cánh, phủ lông tơ màu xám nhạt, rộng; và có các sọc màu đen, màu xám, độ rộng bằng nhau. 32
- Cánh cứng có hoặc không có sọc ở gốc cánh, nhạt màu, hẹp; và có các sọc màu đen, màu xám, độ rộng không bằng nhau..... 33
32. Tấm lưng ngực trước có dạng hạt mịn, ở giữa có một cặp đốm nhỏ, màu đen. Cánh cứng có sọc ở gốc cánh tiếp giáp với sọc ở đường khớp hai cánh và phía ngoài tiếp giáp với sọc ở vai cánh (hình 26). Thân dài 7-10 mm..... *D. mulio* Pascoe
- Tấm lưng ngực trước có dạng hạt thô, ở giữa có một cặp đốm vừa phải, màu đen. Cánh cứng có sọc nhạt màu ở gốc cánh không tiếp giáp với sọc ở đường khớp hai cánh và phía ngoài không tiếp giáp với sọc ở vai cánh (hình 41g: Gressitt & Rondon, 1970)[2]. Thân dài hơn 10-15 mm *D. binotatithorax* Pic
33. Sọc ở gốc cánh hình chữ W (hình 47: Holzschuh, 1992 [4]), bắt đầu từ sau mảnh mai kéo xuống 1/3 cánh rồi xoay ngược lên trên, hướng ra mép ngoài cánh. Thân dài 11-12,5 mm.....*D. piliger* Holzschuh
- Sọc ở gốc cánh không có đặc điểm như trên 34
34. Cánh cứng có màu đen hoặc màu xám đậm ở phần gốc cánh 35
- Cánh cứng có màu xám nhạt ở phần gốc cánh 36
35. Tấm lưng ngực trước thuôn dài. Cánh cứng có sọc thứ nhất ở gốc cánh và sọc thứ 2 ở giữa cánh, cả hai sọc đều hẹp, kéo từ mép ngoài cánh vào trong, hơi xiên và tạo thành góc tù ở đường khớp hai cánh. Cuối ngọn cánh phủ đốm lông màu trắng. Thân dài 9 mm *D. tristiculus* (Fairmaire)
- Tấm lưng ngực trước hình cầu, hơi nhẵn nheo, ở giữa có một đốm đen. Cánh cứng ở phần gốc có màu xám đậm, có 3 sọc: sọc thứ nhất màu trắng, xiên, không kéo đến mép ngoài; sọc thứ 2 hơi ngang, rộng hơn ở đường khớp hai cánh và sọc thứ 3 ở ngọn cánh, khá rộng. Thân dài 8mm *D. martialis* Gressitt & Rondon
36. Tấm lưng ngực trước có một cặp đốm tròn, màu đen. Cánh cứng có 3 sọc màu đen, sọc thứ nhất bắt đầu từ gốc cánh, tạo thành đốm hình bán nguyệt; sọc thứ 2 ở giữa cánh, bắt đầu từ hai mép ngoài cánh, hướng lên trên và giao nhau ở đường khớp hai cánh tạo thành góc tù; sọc thứ 3 ở trước ngọn cánh một đoạn, nằm ngang, rộng hơn hai sọc trên (hình 27). Thân dài 8-11 mm..... *D. bowringi* Pascoe
- Tấm lưng ngực trước không có cặp đốm tròn, màu đen. Cánh cứng không có các đặc điểm kể trên 37
37. Cánh cứng có 3 sọc màu đen: Sọc thứ nhất ở gốc cánh, bắt đầu từ mép ngoài cánh, hướng vào bên trong nhưng không giao nhau ở đường khớp hai cánh; sọc thứ 2 ở giữa cánh, bắt đầu từ hai mép ngoài cánh, hướng lên trên và giao nhau ở đường khớp hai cánh tạo thành góc nhọn; sọc thứ 3 ở trước ngọn cánh một đoạn, nằm ngang, hẹp hơn hai sọc trên nhiều (hình 4a: Viktora, 2014) [12]. Thân dài 9mm *D. ovicollis* Fairmaire
- Cánh cứng ở gốc cánh phần lớn phủ lông màu nâu sẫm; sọc ở đường khớp hai cánh hẹp, màu xám nhạt; kéo dài từ gốc đến 1/3 cánh, sau đó uốn cong hướng ra ngoài mép cánh; sọc ở gần giữa cánh xiên chéo ở phần trước và hẹp hơn ở dọc đường khớp hai cánh; trước ngọn cánh có đốm tròn to màu đen (hình 28). Thân dài 8-12 mm *D. brevespinosus* Pic

1. ***Demonax albidofasciatus* Gressitt & Rondon, 1970**

Demonax albidofasciatus Gressitt & Rondon, 1970: 266.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Vietnam [16].

Phân bố thế giới: Lào.

2. *Demonax alboantennatus* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax alboantennatus Gressitt & Rondon, 1970: 271.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♀, Phia Oắc, Thành Công, Nguyên Bình, 950 m, 1.vi.2011, bẫy đèn, NTM. Phạm Hồng Thái; Gia Lai: 1♀, Kon Hà Nừng, An Khê, 800 m, 21.vii.1981, vọt; Hòa Bình: 1♀, Pà Cò, Mai Châu, 20.iv.2002, NTM. Hoàng Vũ Trụ; Lâm

Đông: 1♀, Tuyên Lâm, Đà Lạt, 14.xi.2000; Quảng Nam: 1♀, Đắc Xà Ê, Phước Sơn, 2.v.2005, vọt; Vĩnh Phúc: 1♂, Tây Thiên, Tam Đảo, 500 m, 26.iv.2007; 1♀, Trạm ĐDSH Mê Linh, Ngọc Thanh, Mê Linh, 9-10.vi.2012, vọt.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Gia Lai, Hòa Bình, Lâm Đông, Quảng Nam, Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Lào; Thái Lan; Trung Quốc.



Hình 1-28. 1. (Anten insertions) *Perissus biluteofasciatus* Pic, 1918; 2. (Anten insertions) *Chlorophorus annularis* (Fabricius, 1787); 3. (Front of head) *Rhaphuma improba* Holzschuh, 1992; 4. (Front of head) *Xylotrechus buqueti* (Castelnau & Gory, 1841); 5. (Anten) *Rhaphuma elongata* Gressitt & Rondon, 1970; 6. (Anten) *Demonax maximus* Pic, 1922; 7. (Pronotum) *Sclethrus amoenus* (Gory, 1833); 8. (Anten) *Clytosaurus siamensis* Jordan, 1894; 9. (Anten), 14. (Elytra) *D. nebulosus* Gressitt & Rondon, 1970; 10. (Pronotum), 11. (Elytra) *D. gracilestriatus* Gressitt & Rondon, 1970; 12. (Elytra) *D. pseudonotabilis* Gressitt & Rondon, 1970; 13. (Elytra) *D. literatus* Gahan, 1894; 15. (Elytra) *D. literatus nansensis* Pic, 1903; 16. (Elytra) *D. leucoscutellatus* (Hope, 1831); 17. (Elytra) *D. semiluctuosus* (White, 1855); 18. (Elytra) *D. pseudotristiculus* Gressitt & Rondon, 1970; 19. (Elytra) *D. mali* Gressitt, 1951; 20. (Elytra) *D. ordinatus* Pascoe, 1869; 21. (Elytra) *D. musivus* Pascoe, 1869; 22. (Elytra) *D. diversefasciatus* Pic, 1920; 23. (Elytra) *D. maximus* Pic, 1922; 24. (Elytra) *D. alboantennatus* Gressitt & Rondon, 1970; 25. (Elytra) *D. kheoi* Gressitt & Rondon, 1970; 26. (Elytra) *D. mulio* Pascoe, 1869; 27. (Elytra) *D. bowringii* (Pascoe, 1859); 28. (Elytra) *D. brevespinosus* Pic, 1926.

3* *Demonax alcanor* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax alcanor Gressitt & Rondon, 1970: 270; Niisato, 1998: 472; Hua, 2002: 203.

Demonax kurokoi Niisato, 1990.

Vật mẫu nghiên cứu: Đắc Nông: 1♀, Nậm Njang, Đắc Song, 800 m, 25.iv.2011, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Đắk Nông.

Phân bố thế giới: Lào, Thái Lan, Trung Quốc.

4. *Demonax binotatithorax* Pic, 1927

Demonax binotatithorax Pic, 1927: 33; Gressitt & Rondon, 1970: 275.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Bắc Việt Nam [2], Hanoi [15].

Phân bố thế giới: Lào.

5. *Demonax brevespinosus* Pic, 1926

Demonax brevespinosus Pic, 1926: 25; Gressitt & Rondon, 1970: 275.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♀, Bản Hâu, Cao Thang, Trùng Khánh, 21-29.iv.2012, bẫy màn, NTM Nguyễn Quảng Trường; Vĩnh Phúc: 1♀, 1♂, VQG Tam Đảo, v-vi.2002, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Tonkin [15], Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Lào.

6. *Demonax bowringii* (Pascoe, 1859)

Clytus bowringii Pascoe, 1859: 28.

Demonax bowringii: Aurivillius, 1912: 409; Gressitt & Rondon, 1970: 275.

Demonax breveapicalis Pic, 1927: 33.

Vật mẫu nghiên cứu: Hòa Bình: 1♀, Pà Cò, Mai Châu, 20.iv.2002, NTM Hoàng Vũ Trụ; Kon Tum: 1♀, VQG Chư Mom Ray, ii.2015, bẫy đèn, NTM Hoàng Thị Phụng.

Phân bố trong nước: Hòa Bình, Kon Tum, Tonkin [15].

Phân bố thế giới: Lào, Trung Quốc.

7. *Demonax diversefasciatus* Pic, 1920

Demonax diversefasciatus Pic, 1920: 1; Gressitt, 1951: 297; Gressitt & Rondon, 1970: 265.

Vật mẫu nghiên cứu: 1♀, 6♂, VQG Tam Đảo, v-vi.2002, 1-4.vii.2003, 9-24.vi.2012, x.2012, vọt tay, NTM Hoàng Vũ Trụ và Phạm Hồng Thái.

Phân bố trong nước: Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Lào; Thái Lan; Trung Quốc.

8*. *Demonax gracilestriatus* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax gracilestriatus Gressitt & Rondon, 1970: 259.

Vật mẫu nghiên cứu: Điện Biên: 1♀, Mường Phăng, Điện Biên, 12.vi.2001, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Điện Biên.

Phân bố thế giới: Lào.

9*. *Demonax izumii* Mitono, 1942

Demonax izumii Mitono, 1942: 102; Hua Li-zhong, 2009: 301.

Vật mẫu nghiên cứu: Sơn La: 1♀, Cò Mạ, Thuận Châu, 500 m, 4.vi.2008, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Sơn La.

Phân bố thế giới: Trung Quốc (vùng lãnh thổ Đài Loan).

10*. *Demonax kheoi* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax kheoi Gressitt & Rondon, 1970: 272; Hua, 202: 203; Lobl & Smetana, 2012: 172.

Vật mẫu nghiên cứu: Quảng Bình: 1♀, U Bò, Trường Sơn, Quảng Ninh, Ce.0568, 650-700 m, 11.vi.2006, NTM Hoàng Vũ Trụ; Vĩnh Phúc: 1♀, VQG Tam Đảo, 1-4.vii.2003, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Quảng Bình, Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Lào; Trung Quốc.

11. *Demonax leucoscutellatus* (Hope, 1831)

Clytus leucoscutellatus Hope, 1831: 28; White, 1855: 286.

Demonax leucoscutellatus: Gahan, 1906: 286-287; Hua, 2002: 203.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♀, Phia Oắc, Thành Công, Nguyên Bình, 950 m, 1.vi.2011, bẫy đèn, NTM. Phạm Hồng Thái; Thanh Hóa: 1♀, Lũng Cao, Bá Thước, 500 m, 1-13.iv.2012; 1♂, VQG Xuân Liên, Bát Mọt, 29.iv.2013, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ; Vĩnh

Phúc: 2♀, 3♂, Tây Thiên, Tam Đảo, 500 m, 18.v.2004, 26.iv.2007, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Ấn Độ; Nêpan; Trung Quốc (vùng lãnh thổ Đài Loan).

12*. *Demonax literatus* Gahan, 1894

Demonax literatus Gahan, 1894: 27.

Demonax literatus literatus: Gressitt & Rondon, 1970: 255; Hua, 2002: 203.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♀, Phia Oắc, Thành Công, Nguyễn Bình, 950 m, 1.vi.2011, bẫy đèn, NTM. Phạm Hồng Thái; Phú Thọ: 3♀, 1♂, VQG Xuân Sơn, 9.v.2005, 28.ix.2000, vọt.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Phú Thọ.

Phân bố thế giới: Lào, Mianma, Trung Quốc.

13*. *Demonax nansenensis* Pic, 1903

Demonax literatus v. nansensis Pic, 1903: 21.

Demonax literatus nansensis: Gressitt & Rondon, 1970: 259; Hua, 2002: 203.

Vật mẫu nghiên cứu: Vĩnh Phúc: 1♀, Tây Thiên, Tam Đảo, 18.v.2004; vọt.

Phân bố trong nước: Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Lào, Trung Quốc.

14*. *Demonax mali* Gressitt, 1951

Demonax mali Gressitt, 1951: 297; Hua, 2009: 301; Li, Tian & Chen, 2013: 457.

Vật mẫu nghiên cứu: Vĩnh Phúc: 3♂, VQG Tam Đảo, 8-9.v.2012, 16-24.vi.2012, NTM Phạm Hồng Thái.

Phân bố trong nước: Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Trung Quốc.

15. *Demonax maximus* Pic, 1922

Demonax maximus Pic, 1922: 25; Gressitt & Rondon, 1970: 266.

Vật mẫu nghiên cứu: Bắc Kạn: 2♀, 2♂, VQG Ba Bể, 29.iv-1.v.2014, bẫy đèn, NTM Phạm Hồng Thái; Quảng Nam: 2♀, La Bơ B, Chà Val, Nam Giang, Ce.0239, Ce.0240, 29.iv.2005. NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Bắc Kạn, Quảng Nam, Tonkin [15].

Phân bố thế giới: Lào, Trung Quốc.

16*. *Demonax mulio* Pascoe, 1869

Demonax mulio Pascoe, 1869: 635; Gahan, 1906: 292; Gressitt & Rondon, 1970: 268.

Vật mẫu nghiên cứu: Kon Tum: 1♂, VQG Chư Mom Ray, a.II.BIC, ii.2015, NTM Hoàng Thị Phụng; Thừa Thiên-Huế: 1♀, VQG Bạch Mã, Ce.0202, 1600 m, 7.v.2003, 1♂, A Roàng, A Lưới, Ce.0245, 760 m, 3-4.v.2005, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Kon Tum; Thừa Thiên - Huế.

Phân bố thế giới: Lào; Indônexia; Trung Quốc.

17. *Demonax musivus* Pascoe, 1869

Demonax musivus Pascoe, 1869: 630; Hayashi, 1976: 167-209.

Vật mẫu nghiên cứu: Vĩnh Phúc: 1♀, VQG Tam Đảo, 2.v.2013, vọt, NTM Phạm Hồng Thái.

Phân bố trong nước: Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Indônexia; Lào, Thái Lan.

18*. *Demonax nebulosus* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax nebulosus Gressitt & Rondon, 1970: 262.

Vật mẫu nghiên cứu: Hòa Bình: 2♀, Khu BTTN Hang Kia - Pà Cò, Mai Châu, 900-1000 m, 22.vi.2001, 19.iv.2002, Kon Tum: 1♀, 1♂, VQG Chư Mom Ray, 31.iii-4.iv.2014; Lào Cai: 1♀, VQG Hoàng Liên, Sa Pa, 2200 m, 27-28.v.2012, vọt, NTM Phạm Hồng Thái.

Phân bố trong nước: Hòa Bình, Kon Tum, Lào Cai.

Phân bố thế giới: Lào.

19*. *Demonax pseudonotabilis* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax pseudonotabilis Gressitt & Rondon, 1970: 262; Hua, 1987: 93; Hua, 2002: 204.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♂, Khu

BTTN Phía Oắc, Thành Công, Nguyên Bình, 500 m, 29.iv-6.v.2012, vọt; Hà Giang: 1♂, Du Già, Yên Minh, 800-1300 m, 27.v.2002, Vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Hà Giang.

Phân bố thế giới: Lào, Trung Quốc.

20*. *Demonax ordinatus* Pascoe, 1869

Demonax ordinatus Pascoe, 1869: 623; Aurivillius, 1912: 411; Gressitt & Rondon, 1970: 265.

Vật mẫu nghiên cứu: Quảng Nam: 1♂, đèo Lò Xo, Phước Mỹ, Phước Sơn, 500 m, 29.vii.2004, bẫy đèn.

Phân bố trong nước: Quảng Nam.

Phân bố thế giới: Lào; Malaixia; Xingapo.

21*. *Demonax occultus* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax occultus Gressitt & Rondon: 268.

Demonax occultus Hua, 2002: 204.

Vật mẫu nghiên cứu: Lâm Đồng: 1♂, Tuyên Lâm, Đà Lạt, 14.xi.2000.

Phân bố trong nước: Lâm Đồng.

Phân bố thế giới: Lào; Trung Quốc.

22. *Demonax offensus* Holzschuh, 1992

Demonax offensus Holzschuh, 1992: 38

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Tonkin: Vĩnh Phú [4].

Phân bố thế giới: Chưa ghi nhận ở nơi nào khác.

23. *Demonax oviceollis* (Fairmaire, 1895)

Clytus (Chlorophorus) oviceollis Fairmaire, 1895: 183; Viktora, 2014: 211.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Tonkin: Lang-Song [1].

Phân bố thế giới: Lào.

24. *Demonax perspicuus* Holzschuh, 1992

Demonax perspicuus Holzschuh, 1992: 39.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Tonkin: Vinh Phú [4].

Phân bố thế giới: Chưa ghi nhận ở nơi nào khác.

25. *Demonax piliger* Holzschuh, 1992

Demonax piliger Holzschuh, 1992: 39.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Tonkin: Vĩnh Phú [4].

Phân bố thế giới: Chưa ghi nhận ở nơi nào khác.

26*. *Demonax pseudotristiculus* Gressitt & Rondon, 1970

Demonax pseudotristiculus Gressitt & Rondon, 1970: 266; Hua, 2002: 204.

Vật mẫu nghiên cứu: Thanh Hóa: 2♀, Xuân Hòa, Như Xuân, Co.1.2368, Co.1.2465, 30.v.2008, vọt.

Phân bố trong nước: Thanh Hóa.

Phân bố thế giới: Lào; Trung Quốc.

27. *Demonax semiluctuosus* (White, 1855)

Clytus semiluctuosus White, 1855: 283; Gressitt & Rondon, 1970: 263.

Rhaphuma praecana Chevrolat, 1863.

Clytanthus mouhoti Pascoe, 1869.

Demonax albobifasciatus Pic, 1920.

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♂, Thành Công, Nguyên Bình, 720 m, 11.v.2010; Đà Nẵng: 1♀, Khu BTTN Bà Nà, 22-23.vii.2009, vọt; Gia Lai: 1♂, VQG Kon Ka Kinh, Kompne, KBang, 16.vii.2012, bẫy đèn; Hà Tĩnh: 1♂, Sơn Thọ, Vụ Quang, Co.1.0703, 25.v.2008, vọt; Lâm Đồng: 1♀, Đam Bri, Bảo Lộc, 600-800 m, v.2003; Quảng Nam: 1♀, Phước Xuân, Phước Sơn, 200-300 m, 24.v.2006; 2♂, Thị trấn Pao, Đông Giang, 450-500 m, Ce.0564, Ce.0565, 27.v.2006; Quảng Ninh: 1♀, U Bò, Trường Sơn, 650-700 m, Ce.0568, 11.vi.2006; Quảng Trị: 1♀, A Ngo, Đăk Rông, 150-200 m, 31.v.2006; 2♀, Tà Rụt, Đăk Rông, 200-300 m, Ce.0566, Ce.0567, 2.vi.2006; Thanh Hóa: 1♂, Xuân Hòa, Như Xuân, Co.1.2366, 30.v.2008, vọt; Vĩnh Phúc: 1♀, 1♂, Ngọc Thanh, Mê Linh, 24-25.v.2001, 16.v.2002; 1♂, VQG Tam Đảo, 2.v.2013, vọt.

Phân bố trong nước: Cao Bằng, Đà Nẵng, Gia Lai, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Quảng Nam,

Quảng Ninh, Quảng Trị, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc.

Phân bố thế giới: Ấn Độ; Indônexia; Lào; Malaixia; Mianma; Nêpan; Thái Lan; Trung Quốc.

28. *Demonax tristiculus* (Fairmaire, 1895)

Clytus tristiculus Fairmaire, 1895: 183; Hua, 2002: 204.

Chlorophorus tristiculus Aurivillius, 1912.

Demonax tristiculus Pic, 1935.

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu.

Phân bố trong nước: Tonkin: Lang-Song [1].

Phân bố thế giới: Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Trong tổng số 28 loài xén tóc thường thuộc giống *Demonax*, có 21 loài được xác định từ 78 mẫu vật thu được, 7 loài còn lại được ghi nhận ở Việt Nam theo tài liệu đã công bố. Có 13 loài ghi nhận bổ sung cho khu hệ côn trùng ở Việt Nam, đó là *Demonax alcanor* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax gracilestriatus* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax izumii* Mitono, 1942; *Demonax kheoi* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax literatus* Gahan, 1894; *Demonax nansenensis* Pic, 1903; *Demonax mali* Gressitt, 1951; *Demonax mulio* Pascoe, 1869; *Demonax nebulosus* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax ordinatus* Pascoe, 1869; *Demonax pseudonotabilis* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax occultus* Gressitt & Rondon, 1970; *Demonax pseudotristiculus* Gressitt & Rondon, 1970.

Trong số 7 loài chưa thu được mẫu vật, Holzschuh (1992) đã mô tả 3 loài lần đầu tiên từ khu hệ của Việt Nam, đó là: *Demonax offensus* Holzschuh, 1992; *Demonax perspicuus* Holzschuh, 1992; *Demonax piliger* Holzschuh, 1992; Hua Li-zhong (2002) ghi nhận 1 loài: *Demonax tristiculus* (Fairmaire, 1895), Viktora (2014) ghi nhận 1 loài: *Demonax ovicollis* (Fairmaire, 1895), Gressitt & Rondon (1970) ghi nhận 2 loài: *Demonax albidofasciatus* Gressitt & Rondon, 1970 và *Demonax binotatithorax* Pic, 1927. Viktora (2014) đã tu

chỉnh loài *Chlorophorus ovicollis* Fairmaire, 1895 và chuyển sang giống *Demonax* Thomson, 1860 do có đặc điểm anten dài vượt quá ngọn cánh cứng ở con đực; có gai ở góc trong từ đốt 3 đến đốt 5. Mẫu chuẩn thu ở miền Bắc Việt Nam (Lạng Sơn).

Về phân bố, trong số 28 loài trên không có loài nào phân bố rộng trên thế giới, tất cả đều thuộc khu hệ vùng Đông Phương. Ở Việt Nam, có 7 loài phân bố rộng ở tất cả các vùng; 16 loài mới bắt gặp ở miền Bắc, 2 loài mới bắt gặp ở miền Trung và 3 loài mới bắt gặp ở miền Nam.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn KS. Hoàng Vũ Trụ, TS. Nguyễn Quảng Trường (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) và TS. Phạm Hồng Thái (Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam) đã giúp đỡ trong việc thu thập mẫu vật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Fairmaire L., 1895. Deuxième note sur quelques Coléoptères des environs de Lang-Song. Annales de la Société Entomologique de Belgique, Bruxelles. 39: 173-190.
2. Gressitt J. L., Rondon J. A., S. von Breuning, 1970. Cerambycid-beetles of Laos. Pacific Insects Monograph. 24: i-vi, 651pp.
3. Holzschuh C., 1991. Neue Bockkäfer aus Asien II. 63 neue Bockkäfer aus Asien, vorwiegend aus China und Thailand (Coleoptera: Disteniidae und Cerambycidae). FBVA Berichte, Schriftenreihe der Forstlichen Bundesversuchsanstalt. Vol. 60. Wien, Austria. 80 pp., 80 ill.
4. Holzschuh C., 1992. 57 neue Bockkafer aus Asien, vorwiegend aus China, Thailand und Vietnam (Coleoptera, Cerambycidae). Forstlichen Bundesversuchsanstalt. 63p.
5. Holzschuh C., 1998. Beschreibung von 68 neuen Bockkäfern aus Asien, überwiegend aus China und zur Synonymie einiger Arten (Coleoptera: Cerambycidae). FBVA Berichte, Schriftenreihe der Forstlichen Bundesversuchsanstalt. Vol. 107. Wien, Austria. 65 pp., 84 ill.

6. Hua Li-zhong, 2002. List of Chinese Insects. Vol. II. Family Cerambycidae. Zhongshan (Sun Yat-sen) University Press: 189-237.
7. Hua Li-zhong, Nara Hajime, Saemulson G. A., Lingafelter S. W., 2009. Iconography of Chinese Longicorn Beetles (1406 species) in Color. Series Publication of Museum of Biology. Sun Yat-sen University Press. 475p.
8. Niisato T., Chang-do Han, 2011. A revision of the genus *Amamyclytus* Ohbayashi from Taiwan and the Ryukyu Islands (Coleoptera, Cerambycidae). Zookeys, 118: 19-52.
9. Niisato T., Wen-I Chou, Yoshiyasu Kusakabe, 2009. Taxonomic notes on the genus *Cyrtoclytus* (Coleoptera, Cerambycidae) from China and Indochina. Spec. Bull. Jpn. Soc. Coleopterol., Tokyo, 7: 221-235.
10. Cao Thi Quynh Nga, Khuat Dang Long, 2014. A preliminary list of the subfamily Cerambycinae (Coleoptera: Cerambycidae) of Vietnam. Tap chi Sinh hoc, 36(1): 12-38.
11. Cao Thị Quỳnh Nga, Khuất Đăng Long, Ta Huy Thịnh, 2015. Giống *xén tóc thường* *Chlorophorus* Chevrolat, 1863 (Cerambycinae, Cerambycidae) và 6 loài ghi nhận mới ở Việt Nam: 237-242. Hội nghị khoa học toàn quốc về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6. Nxb. Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
12. Vikora P., 2014. Contribution to knowledge of the Clytini Mulsant, 1839 and Anaglyptini Larcordaire, 1869 (Coleoptera: Cerambycidae: Cerambycinae) from the Oriental and Australian Regions. Studies and Reports. Taxonomical Series, 10(1): 205-226.
13. Vitalis de Salvaza R., 1919. Traité d'entomologie indochinoise. Cerambycidae. Impr. Minsang, Hanoi. 139-162.
14. Zhuli, Li-Chao Tian, Li Chen, 2013. A new species of *Demonax* Thomson (Coleoptera: Cerambycidae: Cerambycinae) from Southwest China, with a key to thirteen species from China. Zootaxa, 3682(3): 454-458.
15. http://lully.snv.jussieu.fr/titan/sel_genre2.php
16. <http://www.catalogueoflife.org/col/details/species/>

**ADDITIONS TO THE GENUS *Demonax* Thomson, 1860
(Coleoptera: Cerambycidae: Cerambycinae) FROM VIETNAM**

Cao Thi Quynh Nga, Khuat Dang Long, Ta Huy Thịnh

Institute of Ecology and Biological Resources, VAST

SUMMARY

This paper presented a checklist of twenty eight species of the genus *Demonax* Chevrolat from Vietnam, of those thirteen species are newly recorded for the Vietnam's fauna, viz. *Demonax alcanor* Gressitt & Rondon, 1970; *D. gracilestriatus* Gressitt & Rondon, 1970; *D. izumii* Mitono, 1942; *D. kheoi* Gressitt & Rondon, 1970; *D. literatus* Gahan, 1894; *D. nansenensis* Pic, 1903; *D. mali* Gressitt, 1951; *D. mulio* Pascoe, 1869; *D. nebulosus* Gressitt & Rondon, 1970; *D. ordinatus* Pascoe, 1869; *D. pseudonotabilis* Gressitt & Rondon, 1970; *D. occultus* Gressitt & Rondon, 1970 and *D. pseudotristiculus* Gressitt & Rondon, 1970.

Regarding the distribution of species, twenty eight species are restrictively recorded in the oriental region, and other three species are recorded from Vietnam only. Of the total already known twenty eight *Demonax*

species from Vietnam, three species that were originally described from specimens collected from Vietnam, are currently known only from their type localities, seven species are widely distributed in the country, sixteen species are recorded in northern Vietnam and five species are known from central region and southern Vietnam.

Keywords: Coleoptera, Cerambycidae, Cerambycinae, checklist, new record, Vietnam.

Ngày nhận bài: 1-3-2016

DO NOT COPY